

Bản án số: 457/2020/DS-PT

Ngày: 22-9-2020

V/v “Chia di sản thừa kế”.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đắc Minh

Các thẩm phán: Ông Đặng Văn Thành

Ông Trần Văn Mười

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Lê Thị Thủy Tiên – Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh:**
Ông Đoàn Văn Vâng– Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 22 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 333/2019/TLDS-PT ngày 12/6/2019 về việc “Chia di sản thừa kế”. Do Bản án dân sự sơ thẩm số 04/2019/DS-ST ngày 19/3/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 1821/2019/QĐ-PT ngày 30/7/2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Hồ Văn T, sinh năm 1974

Địa chỉ: đường H, phường 5, Tp. Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Trương Phúc A, sinh năm 1960. Địa chỉ: Số đường Hải T, phường 6, Tp. Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng (*văn bản ủy quyền ngày 29/5/2017*)

- *Bị đơn:*

1. Anh Hồ Thanh T1, sinh năm 1981

Địa chỉ: đường H, phường 5, Tp. Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Huỳnh Hải Đ, sinh năm 1970. Địa chỉ: đường 3/2, phường 1, Tp. Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng (*văn bản ủy quyền ngày 10/4/2018*).

2. Anh Hồ Thanh T2, sinh năm 1980

Địa chỉ: đường H, phường 5, Tp. Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng.

Đại diện theo ủy quyền: Anh Hồ Thanh T1, sinh năm 1981. Địa chỉ: đường H, phường 5, Tp. Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng (*văn bản ủy quyền ngày 10/10/2017*); Ông

Huỳnh Hải Đ, sinh năm 1970. Địa chỉ: đường 3/2, phường 1, Tp. Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng (*văn bản ủy quyền ngày 10/4/2018*).

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Hồ Thị D, sinh năm 1951

Địa chỉ: Thôn 8B, xã Lộc Thành, Tp. Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Trương Phúc A, sinh năm 1960. Địa chỉ: đường Hải T, phường 6, Tp. Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng (*văn bản ủy quyền ngày 29/10/2018*).

2. Ông Hồ P, sinh năm 1956 (chết ngày 29/11/2012)

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông P:

2.1. Bà Nguyễn Thị Hoàng Y, sinh năm 1956

2.2. Anh Hồ Anh T3, sinh năm 1979

2.3. Chị Hồ Thị Kiều T4, sinh năm 1981

Cùng địa chỉ: đường T, ấp Đ, xã Thới Tam Thôn, huyện Hóc Môn, Tp.HCM.

Đại diện theo ủy quyền của bà Y, ông T3, bà T4: Ông Trương Phúc A, sinh năm 1960. Địa chỉ: đường H, phường 6, Tp. Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng (*văn bản ủy quyền ngày 31/10/2018*)

3. Ông Hồ Đ1, sinh năm 1957 (chết ngày 05/6/2001)

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Đ1:

3.1. Anh Hồ Võ Duy P

3.2. Chị Hồ Võ Quỳnh N, sinh năm 1991

Cùng địa chỉ: đường H, phường 5, Tp. Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng.

Đại diện theo ủy quyền của bà N:

- Ông Huỳnh Hải Đ, sinh năm 1970. Địa chỉ: đường 3/2, phường 1, Tp. Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng (*văn bản ủy quyền ngày 10/4/2018*).

- Anh Hồ Thanh T1, sinh năm 1981. Địa chỉ: đường H, phường 5, Tp. Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng (*văn bản ủy quyền ngày 10/10/2017*).

4. Ông Hồ N1, sinh năm 1960

Địa chỉ: đường H, phường 5, Tp. Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Huỳnh Hải Đ, sinh năm 1970. Địa chỉ: đường 3/2, phường 1, Tp. Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng (*văn bản ủy quyền ngày 19/3/2018*).

5. Ông Hồ S, sinh năm 1961 (chết ngày 30/12/2006)

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Sáu:

5.1. Bà Phan Thị Kim T5, sinh năm 1972

5.2. Chị Hồ Thụy Ngọc T6, sinh năm 1990

Cùng địa chỉ: chung cư M, phường 4, Tp. Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng.

5.3. Chị Hồ Thụy Thu T7, sinh năm 1990

Địa chỉ liên hệ: Trại tạm giam công an Tp. Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng.

Đại diện theo ủy quyền của bà T5, chị T6, chị T7: Ông Đỗ Hồ T8, sinh năm 1977. Địa chỉ: đường N, phường L, thành phố Thuận An, Bình Dương (*văn bản ủy quyền ngày 18/5/2020 và 19/5/2020*)

6. Bà Hồ Thị M, sinh năm 1963

Địa chỉ: đường M, phường 4, Tp. Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Trương Phúc A, sinh năm 1960. Địa chỉ: đường H, phường 6, Tp. Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng (*văn bản ủy quyền ngày 31/10/2018*).

7. Bà Hồ Thị T8, sinh năm 1965

Địa chỉ: đường H, phường 5, Tp. Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Trương Phúc A, sinh năm 1960. Địa chỉ: đường Hải T, phường 6, Tp. Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng (*văn bản ủy quyền ngày 29/10/2018*)

8. Bà Hồ Thị O, sinh năm 1967

Địa chỉ: đường H, phường 5, Tp. Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Huỳnh Hải Đ, sinh năm 1970. Địa chỉ: đường 3/2, phường 1, Tp. Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng (*văn bản ủy quyền ngày 19/3/2018*).

9. Ông Hồ T9, sinh năm 1969

Địa chỉ: đường H, phường 5, Tp. Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Trương Phúc A, sinh năm 1960. Địa chỉ: đường H, phường 6, Tp. Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng (*văn bản ủy quyền ngày 29/10/2018*)

10. Bà Hồ Thị H, sinh năm 1971

Địa chỉ: Hoa Kỳ

11. Bà Phù Thị C, sinh năm 1957

Địa chỉ: đường H, Phường 5, Tp.Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng.

Đại diện theo ủy quyền: Anh Hồ Thanh T1, sinh năm 1981. Địa chỉ: Số đường H, phường 5, Tp. Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng(*văn bản ủy quyền ngày 10/10/2017*); Ông Huỳnh Hải Đ, sinh năm 1970. Địa chỉ: đường 3/2, phường 1, Tp. Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng (*văn bản ủy quyền ngày 10/4/2018*).

12. Bà Võ Thị H1, sinh năm 1966

Địa chỉ: đường N, phường 11, Tp.Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng.

Đại diện theo ủy quyền: Anh Hồ Thanh T1, sinh năm 1981. Địa chỉ: đường H, phường 5, Tp. Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng (*văn bản ủy quyền ngày 10/10/2017*); Ông Huỳnh Hải Đ, sinh năm 1970. Địa chỉ: đường 3/2, phường 1, Tp. Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng (*văn bản ủy quyền ngày 10/4/2018*).

(Ông A, ông Đ, ông T8 có mặt; anh Hồ Võ Duy P có đơn xin xét xử vắng mặt; các đương sự còn lại vắng mặt tại phiên tòa;)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 05/6/2017 của nguyên đơn ông Hồ Văn T, biên bản hòa giải và lời trình bày của ông Trương Phúc A - đại diện theo ủy quyền của ông T:

Cha của ông Hồ Văn T tên là Hồ N2, sinh năm 1928, mẹ tên là Trần Thị D1, sinh năm 1929. Khi chung sống với nhau, vợ chồng cụ N2 và cụ D1 có 13 người con chung, không có con nuôi và con riêng, gồm:

- Bà Hồ Thị D, sinh năm 1951;
- Ông Hồ P1 sinh năm 1954, chết ngày 07/02/2002, có vợ là bà Phù Thị C và các con Hồ Thanh T1, Hồ Thanh T2;
- Ông Hồ P sinh năm 1956, chết ngày 29/11/2012, có vợ là bà Nguyễn Thị Hoàng Y và các con Hồ Anh T3, Hồ Thị Kiều T4;
- Ông Hồ Đ1 sinh năm 1957, chết ngày 05/6/2001, có vợ là bà Võ Thị H1 và các con Hồ Võ Duy P, Hồ Võ Quỳnh N;
- Ông Hồ N1, sinh năm 1960;
- Ông Hồ S, sinh năm 1961, chết ngày 30/12/2006, có vợ là bà Phan Thị Kim T5 và các con Hồ Thụy Thu T7, Hồ Thụy Ngọc T6;
- Bà Hồ Thị M, sinh năm 1963;
- Bà Hồ Thị T8, sinh năm 1965;
- Bà Hồ Thị O, sinh năm 1967;
- Ông Hồ T9, sinh năm 1969;
- Bà Hồ Thị H, sinh năm 1971;
- Ông Hồ Văn K, sinh năm 1973, chết ngày 25/3/2005, chưa có vợ, con;
- Ông Hồ Văn T, sinh năm 1974.

Cụ ông Hồ N2 chết ngày 02/6/1990 và cụ bà Trần Thị D1 chết ngày 07/01/2004, khi chết không để lại di chúc. Ông T xác định di sản của cha mẹ để lại là diện tích đất ở 221,94m², trên đất có căn nhà trệt, tường xây, nền xi măng + gạch, mái tôn diện tích 99,75m² thuộc thửa 269 và một phần thửa 271, 273, tờ bản đồ 25, tọa lạc tại đường H, phường 5, Tp. Đà Lạt (theo họa đồ đo vẽ hiện trạng sử dụng đất ngày 17/8/2018 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai Tp. Đà Lạt).

Theo Văn bản nhường quyền hưởng di sản thừa kế ngày 02/5/2017 tại Đại sứ quán Việt Nam tại Hoa Kỳ và các giấy cam kết ký ngày 29/10/2018, bà Hồ Thị H, bà Hồ Thị D, bà Hồ Thị M, bà Hồ Thị T8, ông Hồ T9, bà Nguyễn Thị Hoàng Y, anh Hồ Anh T3, chị Hồ Thị Kiều T4 và bà Phan Thị Kim T5, chị Hồ Thụy Ngọc T6, chị Hồ Thụy Thu T7 đồng ý cho, tặng kỷ phần thừa kế của mình cho ông Hồ Văn T. Bên cạnh đó, theo văn bản thỏa thuận ngày 02/11/2018 thì anh Hồ Thanh T1 thay mặt nhận kỷ phần thừa kế của ông Hồ N1; bà Hồ Thị O; bà Phù Thị C, anh Hồ Thanh T2 và bà Võ Thị H1, anh Hồ Võ Duy P, chị Hồ Võ Quỳnh N. Nay ông T đề nghị Tòa án chia di sản thừa kế bằng hiện vật, cụ thể như sau:

1. Tổng diện tích đất 179,76m² theo họa đồ đo vẽ ngày 17/8/2018 (đã trừ chỉ giới suôi) chia cho 12 kỷ phần, mỗi kỷ phần được nhận 14,98m², theo đó:

- Phía anh T1 được nhận 04 kỷ phần $\times 14,98\text{m}^2 = 59,92\text{m}^2$ đất ở thuộc phần 1 họa đồ.

- Phía ông T được nhận 08 kỷ phần $\times 14,98\text{m}^2 = 119,84\text{m}^2$ đất ở thuộc phần 2 và một phần của phần 1 họa đồ.

2. Tổng diện tích nhà đã xây dựng $99,75\text{m}^2$ chia cho 12 kỷ phần, mỗi kỷ phần được nhận $8,3125\text{m}^2$.

- Phía anh T1 được nhận 04 kỷ phần $\times 8,3125\text{m}^2 = 33,25\text{m}^2$ thuộc phần 1 họa đồ.

- Phía ông T được nhận 08 kỷ phần $\times 8,3125\text{m}^2 = 66,5\text{m}^2$ nhà ở thuộc phần 2 và một phần nhà của phần 1 họa đồ.

Hiện nay ông T đang sử dụng $73,75\text{m}^2$ đất ở và $49,32\text{m}^2$ nhà thuộc phần 2 họa đồ. Vì vậy, đề nghị giao thêm $46,09\text{m}^2$ đất ở và $17,18\text{m}^2$ nhà tại phần 1 họa đồ cho ông T.

** Ông Huỳnh Hải D - đại diện theo ủy quyền của bị đơn trình bày:* Thống nhất lời trình bày của nguyên đơn về hàng thừa kế và di sản thừa kế của cụ ông Hồ N2 và cụ bà Trần Thị D1. Anh Hồ Thanh T1 và anh Hồ Thanh T2 là con ruột của ông Hồ P và bà Phù Thị C. Ông Hồ P mất năm 2002. Anh T1, anh T2 không đồng ý với yêu cầu của ông T. Hiện nay bị đơn chưa có nhà ở nên đề nghị được nhận phần nhà đất số 1 và giao phần nhà đất số 2 cho ông T tiếp tục sử dụng theo như họa đồ đo vẽ ngày 17/8/2018. Anh T1, anh T2 có trách nhiệm thanh toán bằng giá trị cho ông T và 07 đồng thừa kế đứng về phía ông T, cụ thể:

- Về đất: Diện tích đất phần 1 là $106,01\text{m}^2$, chia cho 12 kỷ phần, mỗi kỷ phần được nhận là $8,83\text{m}^2 \times 32.200.000\text{đ} = 284.326.000\text{đ}$. Anh T1, anh T2 có trách nhiệm thanh toán cho ông T và 07 đồng thừa kế đứng về phía ông T là: $08 \text{ kỷ phần} \times 284.326.000\text{đ} = 2.274.608.000\text{đ}$.

- Về nhà: Diện tích nhà phần 1 là $50,43\text{m}^2$, chia cho 12 kỷ phần, mỗi kỷ phần được nhận là $4,2\text{m}^2 \times 2.360.000\text{đ} \times 60\% = 5.947.200\text{đ}$. Anh T1, anh T2 có trách nhiệm thanh toán cho ông T và 07 đồng thừa kế đứng về phía ông T là: $08 \text{ kỷ phần} \times 5.947.200\text{đ} = 47.577.600\text{đ}$.

Tổng cộng 2.322.185.000đ.

Đối với kỷ phần của ông Hồ N1, bà Hồ Thị O và người thừa kế của ông Hồ Đ1, anh T1, anh T2 sẽ có trách nhiệm thanh toán theo như Văn bản thỏa thuận ngày 02/11/2018. Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**Những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

- Ông Trương Phúc A là đại diện theo ủy quyền của bà Hồ Thị D, bà Hồ Thị M, bà Hồ Thị T8, ông Hồ T9, bà Nguyễn Thị Hoàng Y, anh Hồ Anh T3, chị Hồ Thị Kiều T4, bà Phan Thị Kim T5, chị Hồ Thụy Ngọc T6, chị Hồ Thụy Thu T7 trình bày: Thống nhất lời trình bày của nguyên đơn về hàng thừa kế và di sản

thừa kế của cụ ông Hồ N2 và cụ bà Trần Thị D1. Nay đồng ý tặng cho kỷ phần mà họ được hưởng cho ông Hồ Văn T theo như Giấy cam kết ngày 29/10/2018.

- Bà Hồ Thị H: Theo Văn bản nhường quyền hưởng di sản thừa kế ngày 02/5/2017 tại Đại sứ quán Việt Nam tại Hoa Kỳ, bà Huệ trình bày bà là con ruột của cụ ông Hồ N2 và cụ bà Trần Thị D1. Di sản cha mẹ để lại là nhà và đất tại số đường H, phường 5, Tp. Đà Lạt. Nay bà đồng ý giao kỷ phần thừa kế của mình cho ông T. Bà có đơn xin vắng mặt trong các buổi hòa giải, xét xử của Tòa án.

- Ông Huỳnh Hải Đ là đại diện theo ủy quyền của ông Hồ N1, bà Hồ Thị O trình bày: Thống nhất lời trình bày của nguyên đơn về hàng thừa kế và di sản thừa kế của cụ ông Hồ N2 và cụ bà Trần Thị D1. Nay đề nghị để anh Hồ Thanh T1 nhận kỷ phần thừa kế và anh T1 có trách nhiệm thanh toán lại giá trị cho ông Năm, bà Oanh như Văn bản thỏa thuận ngày 02/11/2018.

- Bà Võ Thị H1, anh Hồ Võ Duy P, chị Hồ Võ Quỳnh N trình bày: Năm 1988 ông Hồ Đ1 và bà Võ Thị H1 chung sống với nhau như vợ chồng tại đường H, phường 5, Tp. Đà Lạt, không đăng ký kết hôn và có 02 con chung là Hồ Võ Duy P, sinh năm 1989 và Hồ Thị Quỳnh N, sinh năm 1991. Năm 2001 ông Đãng mất. Mẹ con bà chuyển về đường N, phường 11, Tp. Đà Lạt để sinh sống. Năm 2003 bà lấy chồng khác là ông Vũ Xuân T10, sinh năm 1965, trú tại Lâm Sinh, phường 5, Tp. Đà Lạt. Bà và ông T10 không đăng ký kết hôn, có 01 con chung là Võ Tuấn A, sinh năm 2009. Nay đề nghị để anh Hồ Thanh T1 nhận kỷ phần thừa kế và anh T1 có trách nhiệm thanh toán lại giá trị cho bà H1, anh P, chị N như Văn bản thỏa thuận ngày 02/11/2018.

- Bà Phù Thị C trình bày: bà là vợ của ông Hồ P. Vợ chồng có 02 con chung là Hồ Thanh T1 và Hồ Thanh T2. Năm 2002 ông P mất. Nay ông T khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế thì bà không có ý kiến gì, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Các đương sự thống nhất với kết quả đo vẽ và chứng thư thẩm định giá của cơ quan chức năng, không thắc mắc, khiếu nại gì.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 04/2019/DS-ST ngày 19 tháng 3 năm 2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng quyết định:

- Căn cứ khoản 5 Điều 26; Điều 147; khoản 1 Điều 227; Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Điều 633, 634, 635, 674, 675, 676, 685 Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 623 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Hồ Văn T về việc “*Tranh chấp chia di sản thừa kế*”.

Xác định những người thừa kế di sản của cụ ông Hồ N2 và cụ bà Trần Thị D1 gồm: bà Hồ Thị D; ông Hồ N1; bà Hồ Thị M; bà Hồ Thị T8; bà Hồ Thị O; ông Hồ T9; bà Hồ Thị H; ông Hồ Văn T; anh Hồ Thanh T1, anh Hồ Thanh T2; anh Hồ Võ Duy P, chị Hồ Võ Quỳnh N; anh Hồ Anh T3, chị Hồ Thị Kiều T4; chị Hồ Thụy Thu T7, chị Hồ Thụy Ngọc T6.

Xác định di sản thừa kế của cụ ông Hồ N2 và cụ bà Trần Thị D1 để lại là: diện tích đất ở 221,94m² (có 42,18m² thuộc chỉ giới suối, còn lại 179,76m²), trên đất có căn nhà trệt, tường xây, nền xi măng + gạch, mái tôn diện tích 99,75m² thuộc thửa 269 và một phần thửa 271, 273, tờ bản đồ 25, tọa lạc tại đường H, phường 5, Tp. Đà Lạt.

Chia di sản thừa kế của cụ ông Hồ N2 và cụ bà Trần Thị D1 theo pháp luật như sau:

- Ông Hồ Văn T được quyền sử dụng diện tích 91m² (trong đó có 17,25m² thuộc chỉ giới suối, còn lại 73,75m², diện tích xây dựng 49,32m²) thuộc một phần thửa 269, tờ bản đồ 25, tọa lạc tại đường H, phường 5, Tp. Đà Lạt theo họa đồ đo vẽ hiện trạng sử dụng đất ngày 17/8/2018 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai Tp. Đà Lạt.

- Anh Hồ Thanh T1, anh Hồ Thanh T2 được quyền sử dụng diện tích 130,94m² (trong đó có 24,93m² thuộc chỉ giới suối, còn lại 106,01m², diện tích xây dựng 50,43m²) thuộc một phần thửa 269, 271, 273, tờ bản đồ 25, tọa lạc tại đường H, phường 5, Tp. Đà Lạt theo họa đồ đo vẽ hiện trạng sử dụng đất ngày 17/8/2018 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai Tp. Đà Lạt.

Có họa đồ kèm theo bản án.

Các đương sự được quyền liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để đăng ký, kê khai cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản khác gắn liền với đất theo quy định của pháp luật.

Anh Hồ Thanh T1, anh Hồ Thanh T2 có trách nhiệm thanh toán cho ông Hồ Văn T số tiền 1.508.424.884đ.

Ngoài ra Bản án sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng, tiền án phí và dành quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 28/3/2019 nguyên đơn Hồ Văn T kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay,

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Trương Phúc A vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, ông Ân trình bày: Đề nghị sửa bản án sơ thẩm theo hướng chia thừa kế bằng hiện vật vì ông T được nhận 8 kỷ phần nhưng diện tích được chia lại ít hơn 2 kỷ phần của anh T2 và anh T1. Trong thực tế có đủ điều kiện để chia thừa kế bằng hiện vật. Bản án sơ thẩm chưa xem xét đến công sức tôn tạo, gìn giữ di sản cho ông T nhưng phía nguyên đơn xin rút lại yêu cầu này. Đồng thời nguyên đơn chỉ đồng ý cho bà T5 được hưởng di sản thừa kế khi bà T5 rút lại yêu cầu của bà tại tòa.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là ông Huỳnh Hải Đ trình bày: Việc chia thừa kế như bản án sơ thẩm đã tuyên là phù hợp vì đã căn cứ theo tình trạng thực tế để chia. Ông T tuy được nhận 8 kỷ phần nhưng thực tế chỉ có vợ chồng của ông T sinh sống, còn ô thứ 1 tuy có 2 kỷ phần nhưng số người thực tế sinh sống là rất nhiều gồm gia đình của P, N, T2, T1. Về công sức đóng góp chúng tôi đã nêu ra tại cấp sơ thẩm, nguyên đơn không có tôn tạo đóng góp, nếu có tôn tạo thì cũng không là bao so với việc ông T dùng mặt bằng kinh doanh và chúng tôi cũng không đặt ra vấn đề chia số tiền thu lợi nhuận từ việc kinh doanh đó nên ông T cũng không đưa ra vấn đề đóng thuế. Về phần bà T5 thì chúng tôi không có ý kiến.

Người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Đỗ Hồ T8 trình bày: Bà T5 và hai người con của bà T5 không có ý kiến, đồng ý cho ông T đồng ý để lại kỷ phần thừa kế lại cho ông T và ông T trả tiền cho bà T5 như thỏa thuận.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Từ khi thụ lý đến khi đưa vụ án ra xét xử Tòa án đã tiến hành đúng quy định của pháp luật; tại phiên tòa người tham gia tố tụng chấp hành đúng quy định pháp luật tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án: Nguyên đơn và bị đơn thống nhất chia đều cho 12 kỷ phần, việc thỏa thuận này là tự nguyện và phù hợp quy định pháp luật. Theo bị đơn trình bày, các đương sự T1, T2, P, N chưa có nơi sống ổn định, nếu chia đều 12 phần thì không đủ điều kiện tách thửa theo Quyết định số 33/2015/QĐ-UBND ngày 16/4/2015 của UBND tỉnh Lâm Đồng. Do đó cấp sơ thẩm quyết định chia làm 2 phần, chia cho nguyên đơn ô số 2 và bị đơn tại ô số 1 là có căn cứ vì chia dựa trên thực tiễn là phần đất của ông T sử dụng trước nay. Ông T kháng cáo nhưng không có tài liệu chứng cứ mới, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh luận tại phiên tòa phúc thẩm, ý kiến của các bên đương sự, quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo trong hạn luật định và hợp lệ nên được Hội đồng xét xử xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Xét kháng cáo của nguyên đơn:

[2.1] Về nguồn gốc đất, tài sản trên đất và xác định hàng thừa kế:

Về nguồn gốc và diện tích đất tranh chấp được các đồng thừa kế thống nhất là di sản của cụ N2 và cụ D1 để lại là diện tích đất ở 221,94m² (có 42,18m² thuộc chỉ giới suối, còn lại 179,76m²), trên đất có căn nhà trệt, tường xây, nền xi măng + gạch, mái tôn diện tích 99,75m² thuộc thửa 269 và một phần thửa 271, 273, tờ bản đồ 25, tọa lạc tại đường H, phường 5, Tp. Đà Lạt.

Về xác định hàng thừa kế: Vợ chồng cụ N2 và cụ D1 có tất cả 13 người con là bà Hồ Thị D, ông Hồ P, ông Hồ P1, ông Hồ Đ1, ông Hồ N1, ông Hồ S, bà Hồ

Thị M, bà Hồ Thị T8, bà Hồ Thị O, ông Hồ T9, bà Hồ Thị H, ông Hồ Văn K và ông Hồ Văn T. Ngoài ra không có người con chung, con riêng hoặc con nuôi nào khác. Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án thể hiện: ông Hồ P (chết ngày 07/02/2002), ông Hồ P1 (chết ngày 29/11/2012), ông Hồ Đ1 (chết ngày 05/6/2001), ông Hồ S (chết ngày 30/12/2006), ông Hồ Văn K (chết ngày 25/3/2005).

Vì vậy, căn cứ Điều 676 Bộ luật Dân sự năm 2005 xác định hàng thừa kế của cụ Hồ N2 và cụ Trần Thị D1 như sau:

- Hàng thừa kế thứ nhất: bà Hồ Thị D, ông Hồ N1, bà Hồ Thị M, bà Hồ Thị T8, bà Hồ Thị O, ông Hồ T9, bà Hồ Thị H và ông Hồ Văn T. Thừa kế thế vị: con của ông Hồ P là anh Hồ Thanh T1, anh Hồ Thanh T2; con của ông Hồ Đ1 là anh Hồ Võ Duy P, chị Hồ Võ Quỳnh N.
- Hàng thừa kế thứ hai: con của ông Hồ P là anh Hồ Anh T3, chị Hồ Thị Kiều T4; con của ông Hồ S là chị Hồ Thụy Thu T7, chị Hồ Thụy Ngọc T6.

Như vậy, hàng thừa kế thứ nhất của cụ N2, cụ D1 vẫn còn nên anh Hồ Anh T3, chị Hồ Thị Kiều T4, chị Hồ Thụy Thu T7, chị Hồ Thụy Ngọc T6 là cháu (thuộc hàng thừa kế thứ hai) sẽ không được hưởng thừa kế theo quy định tại khoản 3 Điều 676 Bộ luật Dân sự năm 2005. Tuy nhiên, nguyên đơn và bị đơn cùng thống nhất chia đều di sản thừa kế của cụ N2 và cụ D1 cho tất cả hàng thừa kế, tổng cộng là 12 kỷ phần, việc thống nhất này là tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật nên được cấp sơ thẩm chấp nhận là phù hợp, có căn cứ.

Tại cấp phúc thẩm, bà Phan Thị Kim T5, chị Hồ Thụy Thu T7, chị Hồ Thụy Ngọc T6 có văn bản “Đơn xin thay đổi lời khai” có nội dung không đồng ý tặng cho ông Hồ Văn T kỷ phần mà bà T5, chị T7, chị T6 được thừa kế thế vị của ông Hồ S đồng thời đề nghị hủy Giấy cam kết ngày 29/10/2018 và hủy ủy quyền cho ông Trương Phúc A. Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của bà T5, chị T7, chị T6 là ông Đỗ Hồ T8 trình bày: bà T5 và hai người con của bà T5 không có ý kiến, đồng ý cho ông T đồng ý để lại kỷ phần thừa kế lại cho ông T và ông T trả tiền cho bà T5. Sau khi xét xử sơ thẩm, bà T5, chị T7, chị T6 không có kháng cáo, đồng thời, tại phiên tòa phúc thẩm đã thay đổi lời khai. Như vậy, việc thỏa thuận nhận các kỷ phần của ông T như tại cấp sơ thẩm vẫn còn giá trị.

[2.2] Về phân chia di sản thừa kế:

Cấp sơ thẩm đã chia di sản thừa kế của cụ N2, cụ D1 thành 02 phần bằng hiện vật, giao cho ông T diện tích nhà và đất ở tại ô số 02 và giao cho anh T1, anh T2 diện tích nhà và đất ở tại ô số 01 theo họa đồ đo vẽ hiện trạng sử dụng đất ngày 17/8/2018 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai Tp. Đà Lạt. Nguyên đơn và bị đơn phải thanh toán bằng giá trị cho các thừa kế khác tương ứng với kỷ phần hiện vật mà họ được hưởng. Nguyên đơn ông Hồ Văn T không đồng ý với cách chia này và kháng cáo đề nghị xem xét ông được nhận 8 kỷ phần nhưng diện tích đất được chia lại ít hơn 2 kỷ phần của anh T2 và anh T1.

Tại họa đồ đo vẽ hiện trạng sử dụng đất ngày 17/8/2018 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai Tp. Đà Lạt lập, việc chia di sản thành 02 phần dựa theo hiện trạng đất. Việc chia như trên căn cứ quá trình sử dụng đất của các bên, cụ thể là phía nguyên đơn đã có xây dựng nhà ở tại ô số 2, Tòa án cấp sơ thẩm khi chia ô số 2 cho nguyên đơn đã đảm bảo được nhu cầu sử dụng đất ổn định. Đồng thời, để đảm bảo cho những người không có đất ở có điều kiện được ổn định cuộc sống nên chia ô số 2 cho những người còn lại là phù hợp. Các kỷ phần có giá trị là như nhau, ai được hưởng hiện vật nhiều hơn có trách nhiệm hoàn trả giá trị cho những người còn lại.

Hội đồng xét xử cho nhận thấy việc tòa án cấp sơ thẩm căn cứ vào tính ổn định, nhu cầu sử dụng đất, mỹ quan, điều kiện tách thửa để phân chia thừa kế như đã tuyên là thỏa đáng bởi lẽ giữa các đồng thừa kế, trong đó có nguyên đơn và bị đơn thống nhất chia đều cho 12 kỷ phần, việc thỏa thuận này là tự nguyện và phù hợp quy định pháp luật. Nhận thấy các đương sự T1, T2, P, N chưa có nơi sống ổn định, nếu chia đều 12 phần thì không đủ điều kiện tách thửa theo Quyết định số 33/2015/QĐ-UBND ngày 16/4/2015 của UBND tỉnh Lâm Đồng. Do đó cấp sơ thẩm quyết định chia làm 2 phần, chia cho nguyên đơn ô số 2 và bị đơn tại ô số 1 là có căn cứ vì chia dựa trên thực tiễn là phần đất của ông T sử dụng trước nay.

[2.3] Về yêu cầu chia thêm tiền công sức đóng góp: Theo đơn kháng cáo và trình bày của luật sư bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn cho rằng bản án sơ thẩm chưa xem xét đến công sức tôn tạo, gìn giữ di sản cho ông T nhưng phía nguyên đơn xin rút lại yêu cầu này. Đồng thời nguyên đơn chỉ đồng ý cho bà T5 được hưởng giá trị di sản thừa kế khi bà T5 rút lại yêu cầu của bà tại tòa.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Huỳnh Hải Đ cũng như đại diện theo ủy quyền của bà T5 đồng ý với việc rút yêu cầu nói trên của nguyên đơn. Nhận thấy việc rút yêu cầu đòi công sức đóng góp của nguyên đơn và ý kiến đồng ý của các bên đương sự là tự nguyện, không trái luật nên Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn về việc đòi chi phí công sức tôn tạo, giữ gìn di sản thừa kế.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, nguyên đơn có kháng cáo nhưng không có tài liệu chứng cứ mới chứng minh cho kháng cáo của mình là có căn cứ, xét thấy bản án sơ thẩm đã tuyên là có căn cứ và phù hợp với quy định pháp luật, nên Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn.

[3] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên ông Hồ Văn T phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ

Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn ông Hồ Văn T. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 04/2019/DS-ST ngày 19 tháng 3 năm 2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

1/ Tuyên xử:

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Hồ Văn T về việc “*Tranh chấp chia di sản thừa kế*”.

Xác định những người thừa kế di sản của cụ ông Hồ N2 và cụ bà Trần Thị D1 gồm: bà Hồ Thị D; ông Hồ N1; bà Hồ Thị M; bà Hồ Thị T8; bà Hồ Thị O; ông Hồ T9; bà Hồ Thị H; ông Hồ Văn T; anh Hồ Thanh T1, anh Hồ Thanh T2; anh Hồ Võ Duy P, chị Hồ Võ Quỳnh N; anh Hồ Anh T3, chị Hồ Thị Kiều T4; chị Hồ Thụy Thu T7, chị Hồ Thụy Ngọc T6.

Xác định di sản thừa kế của cụ ông Hồ N2 và cụ bà Trần Thị D1 để lại là: diện tích đất ở 221,94m² (có 42,18m² thuộc chỉ giới suối, còn lại 179,76m²), trên đất có căn nhà trệt, tường xây, nền xi măng + gạch, mái tôn diện tích 99,75m² thuộc thửa 269 và một phần thửa 271, 273, tờ bản đồ 25, tọa lạc tại đường H, phường 5, Tp. Đà Lạt.

Chia di sản thừa kế của cụ ông Hồ N2 và cụ bà Trần Thị D1 theo pháp luật như sau:

- Ông Hồ Văn T được quyền sử dụng diện tích 91m² (trong đó có 17,25m² thuộc chỉ giới suối, còn lại 73,75m², diện tích xây dựng 49,32m²) thuộc một phần thửa 269, tờ bản đồ 25, tọa lạc tại đường H, phường 5, Tp. Đà Lạt theo họa đồ đo vẽ hiện trạng sử dụng đất ngày 17/8/2018 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai Tp. Đà Lạt.

- Anh Hồ Thanh T1, anh Hồ Thanh T2 được quyền sử dụng diện tích 130,94m² (trong đó có 24,93m² thuộc chỉ giới suối, còn lại 106,01m², diện tích xây dựng 50,43m²) thuộc một phần thửa 269, 271, 273, tờ bản đồ 25, tọa lạc tại đường H, phường 5, Tp. Đà Lạt theo họa đồ đo vẽ hiện trạng sử dụng đất ngày 17/8/2018 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai Tp. Đà Lạt. (Có họa đồ kèm theo bản án).

Các đương sự được quyền liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để đăng ký, kê khai cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản khác gắn liền với đất theo quy định của pháp luật.

- Anh Hồ Thanh T1, anh Hồ Thanh T2 có trách nhiệm thanh toán cho ông Hồ Văn T số tiền 1.508.424.884đ.

2/ Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm về chi phí tố tụng, án phí dân sự sơ thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

3/ Án phí phúc thẩm: Ông Hồ Văn T phải chịu 300.000 đồng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số 0014751 ngày 04/04/2019 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Lâm Đồng.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSNDCC tại TP. Hồ Chí Minh;
- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- Cục THADS tỉnh Lâm Đồng;
- Các đương sự (16);
- Lưu: hồ sơ (2), VP (6), 29b (LTTT).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Đức Minh